

Trên cơ sở những kết quả bước đầu đạt được trong năm học 2016 - 2017 về việc triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành, năm học 2017 - 2018, ngành Giáo dục tiếp tục tập trung thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 44/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội, Quyết định số 404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ tình hình thực tiễn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ thị toàn ngành Giáo dục quán triệt phương hướng và tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của năm học 2017 - 2018, cụ thể như sau:

I. Phương hướng chung

Tăng cường nền nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học và trình độ đào tạo; quan tâm phát triển phẩm chất, năng lực người học; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên. Giáo dục mầm non tiếp tục đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Giáo dục phổ thông tập trung đổi mới phương thức dạy học; chú trọng việc học đi đôi với hành, giáo dục nhà trường gắn với giáo dục gia đình và cộng đồng; khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm trái quy định. Giáo dục đại học tiếp tục đẩy mạnh tự chủ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn đào tạo với nhu cầu của xã hội để sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội. Giáo dục thường xuyên thực hiện đa dạng hóa nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

II. Các nhiệm vụ chủ yếu

1. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước

a) Xây dựng hệ thống chuẩn trường sư phạm phục vụ công tác quy hoạch; hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên, trình Thủ tướng Chính phủ; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch sau khi Thủ tướng Chính phủ ký ban hành.

Trình Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành Bộ chuẩn kỹ thuật quy hoạch cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cấp tỉnh, thành phố.

b) Các địa phương tiếp tục rà soát quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp học gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đối với khu vực thành phố, quy hoạch trường, lớp cần theo hướng mở rộng ra khu vực ngoại ô để khắc phục tình trạng sĩ số lớp quá đông do thiếu quỹ đất. Tăng cường xã hội hóa để thành lập mới các trường tư thục chất lượng cao; phát triển trường, lớp mầm non ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư. Đối với các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn cần có lộ trình sắp xếp điểm trường, lớp học lý, trong đó chú ý đối với cấp học mầm non và tiểu học.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

a) Ban hành các chuẩn giáo viên và cán bộ quản lý, giảng viên sư phạm làm cơ sở để các địa phương, các trường sư phạm thực hiện rà soát, quản lý, sắp xếp, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn; có biện pháp xử lý đối với giáo viên, cán bộ quản lý chưa đạt chuẩn tối thiểu, không đáp ứng yêu cầu công việc theo quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức.

b) Các trường sư phạm xây dựng kế hoạch và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới; tăng cường phương thức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến trên cơ sở phát huy tinh thần tự

học.

c) Các địa phương xây dựng quy hoạch và chính sách tuyển dụng giáo viên các cấp phù hợp, tránh thừa, thiếu cục bộ; phối hợp với các trường sư phạm có kế hoạch linh hoạt về đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng bảo đảm đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên đủ số lượng, cơ cấu và chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp.

Xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện cho giáo viên các cấp hoàn thiện bồi dưỡng theo yêu cầu của hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo việc bổ nhiệm, thi/xét thăng hạng và xếp lương theo hạng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đúng quy định.

3. Đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng trong giáo dục phổ thông

a) Triển khai thực hiện có chất lượng chương trình giáo dục mầm non sau chỉnh sửa. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục mầm non phát triển chương trình giáo dục phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

b) Đẩy nhanh tiến độ ban hành các chương trình môn học giáo dục phổ thông; triển khai biên soạn sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo chương trình mới; tiếp tục điều chỉnh nội dung dạy học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản, tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới.

c) Các địa phương tích cực chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; các trường sư phạm tích cực tham gia vào đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

d) Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn sản xuất, kinh doanh tại địa phương; xây dựng cơ chế thu hút sự tham gia của cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tài liệu và đánh giá kết quả giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông.

Bổ trí đủ số lượng và bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên làm công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học phổ thông; từng bước nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, giúp học sinh có nhận thức rõ về định hướng nghề nghiệp.

đ) Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tăng cường an ninh, an toàn trường học, xây dựng văn hóa học đường và môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, dân chủ, kỷ cương.

4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo

a) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025 (sửa đổi Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020).

b) Hoàn thiện các định dạng đề thi theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ưu tiên các định dạng hỗ trợ thi trên máy tính và thi trực tuyến; từng bước hoàn thiện, phát triển ngân hàng đề thi ngoại ngữ quốc gia. Ban hành quy chế thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Đa dạng hóa các chương trình, sách giáo khoa, học liệu và hình thức đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo và nhu cầu học tập ngoại ngữ của học sinh, sinh viên; quan tâm xây dựng và phát triển môi trường thực hành ngoại ngữ thông qua phát triển các cộng đồng học tập ngoại ngữ.

d) Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, đặc biệt là đội ngũ giáo viên ngoại ngữ phổ thông đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình ngoại ngữ hệ 10 năm; rà soát, thống nhất chương trình, tài liệu, học liệu đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với đối tượng, cấp học; chú trọng phương thức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến; thực hiện công tác khảo thí ngoại ngữ đảm bảo minh bạch, khách quan, công bằng.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

b) Tập trung xây dựng hệ thống thông tin kết nối liên thông giữa Bộ với các sở, phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục; xây dựng và đưa vào sử dụng thống nhất toàn ngành các cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và hệ thống phần mềm quản lý trường học dùng chung; triển khai hệ thống hội nghị truyền hình, tập huấn qua mạng.

c) Tăng cường sử dụng sổ điện tử trong nhà trường; tập trung xây dựng và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng e-learning, kho học liệu số của ngành phục vụ nhu cầu tự học và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy và học; triển khai mô hình giáo dục điện tử, lớp học, trường học thông minh; tăng cường áp dụng phương thức tuyển sinh đầu cấp học qua mạng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

d) Áp dụng mạnh mẽ phương pháp học trực tuyến (e-learning), kết hợp giữa phương pháp học truyền thống với học trực tuyến (blended learning) để tạo thuận lợi cho nhiều người học tập, nâng cao chất lượng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

6. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo

a) Nghiên cứu đề xuất, xây dựng trình Chính phủ Nghị định tăng cường phân cấp quản lý của các trường mầm non, phổ thông; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học công lập triển khai thực hiện Nghị định quy định tự chủ trong các trường đại học công lập sau khi Chính phủ ban hành.

b) Tăng cường tự chủ của các nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển chương trình giáo dục nhà trường; đẩy mạnh thực hiện dân chủ trong trường học gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục.

c) Tăng quyền chủ động của cơ sở giáo dục đại học gắn với nâng cao năng lực quản trị nhà trường; kiện toàn và đảm bảo các điều kiện để Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định; xây dựng tiêu chuẩn chức danh Chủ tịch Hội đồng trường.

Các cơ sở giáo dục đại học chưa thực hiện tự chủ lập kế hoạch chuẩn bị các điều kiện theo quy định để thực hiện tự chủ đại học trong thời gian tới. Công khai thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng, các hoạt động cơ bản của nhà trường, tỷ lệ sinh viên có việc làm và các thông tin khác theo quy định để người học lựa chọn và các bên liên quan cùng giám sát.

7. Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

a) Triển khai Nghị định thay thế Nghị định số 73/2012/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong

lĩnh vực giáo dục sau khi Chính phủ ban hành. Xây dựng và ban hành đề án, chương trình thúc đẩy hội nhập quốc tế để mỗi địa phương đều có yếu tố hội nhập ở các cấp học với các mức độ khác nhau.

b) Tiếp tục thí điểm áp dụng các mô hình, chương trình giảng dạy, sách giáo khoa, giáo trình và phương thức dạy học, kiểm tra, đánh giá của các nước có nền giáo dục tiên tiến; tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quá trình phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học.

c) Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học chủ động và tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, liên kết đào tạo, công nhận tín chỉ, liên thông chương trình, đồng cấp bằng với các trường đại học được kiểm định của nước ngoài; phát triển các chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý với các trường đại học nước ngoài.

d) Phát triển không gian giáo dục Việt Nam, kết nối với ASEAN và thế giới như xây dựng cơ chế kết nối, chia sẻ tài nguyên và hợp tác giữa các trường đại học trong nước theo từng nhóm ngành; tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên, phối hợp nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các nước trong khu vực và trên thế giới.

đ) Nghiên cứu quy hoạch khu hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo, đồng bộ cơ sở hạ tầng, kêu gọi đầu tư, mở chi nhánh của các trường đại học uy tín trên thế giới để vừa đào tạo sinh viên trong nước vừa thu hút sinh viên nước ngoài theo học.

8. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

a) Thực hiện rà soát hệ thống trường lớp, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đối với các trường thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.

b) Khảo sát, đánh giá và xây dựng chính sách, giải pháp, hướng dẫn huy động nguồn lực Trung ương, địa phương để phân bổ kinh phí hợp lý; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để khắc phục tình trạng trường, lớp học chưa được kiên cố hóa ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học; mở rộng quy mô lớp học để giảm sĩ số học sinh ở khu vực thành thị.

c) Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2014 - 2015, lộ trình đến năm 2020. Tổ chức thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Xác định thực trạng và nhu cầu về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho từng địa phương, từng vùng miền; các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch tổng thể chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị trường học đồng bộ với lộ trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

a) Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục cơ bản, giáo dục chất lượng cao ở cấp phổ thông, củng cố và nâng cao năng lực hệ thống trường trung học phổ thông chuyên.

b) Trình Thủ tướng Chính phủ Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế. Nghiên cứu dự báo nhu cầu thị trường lao động, đặc biệt trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tăng dần quy mô các chương trình đào tạo chất lượng cao đã được triển khai và kiểm định, phát triển các chuyên ngành khoa học cơ bản, các ngành học liên quan đến khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM) và những ngành thị trường có nhu cầu tuyển dụng cao. Đồng thời rà soát nhu cầu số lượng và chất lượng giáo viên mầm non, phổ thông để xác định chỉ tiêu tuyển sinh hợp lý cho các trường sư phạm.

c) Triển khai Đề án hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành, đẩy mạnh công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ kiến thức khởi nghiệp cho sinh viên. Mở rộng quan hệ hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Chỉ đạo, hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học phối hợp với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong công tác đào tạo để gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

d) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng đào tạo và chuyển giao công nghệ; thành lập các nhóm giảng dạy - nghiên cứu và đầu tư đồng bộ để kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng quỹ nghiên cứu khoa học trong trường đại học nhằm huy động nguồn lực xã hội cho nghiên cứu khoa học.

đ) Xây dựng kế hoạch và các giải pháp nhằm thu hút các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài, các chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học góp phần đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuẩn khu vực và quốc tế. Tập trung triển khai hiệu quả chương trình quốc gia về khoa học giáo dục, xây dựng và triển khai các chương trình khoa học và công nghệ có ảnh hưởng toàn ngành Giáo dục.

e) Tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín trên thế giới; đào tạo những ngành mà trường đối tác có thế mạnh và đáp ứng yêu cầu của thị trường; tăng cường liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên các trường đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

g) Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030.

III. Các nhóm giải pháp cơ bản

1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo

a) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục nhằm phát hiện các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với thực tế, không đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính về giáo dục và đào tạo; đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bảo đảm gọn nhẹ; đẩy mạnh triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Xây dựng và ban hành cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật.

c) Tập trung xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

d) Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm công khai, minh bạch với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể gắn với hiệu quả công việc được giao.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý giáo dục các cấp

a) Ban hành các chuẩn, tiêu chí cán bộ quản lý các cấp và triển khai chương trình, kế hoạch bồi dưỡng đạt chuẩn các vị trí chức danh quản lý.

b) Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục chủ chốt ở các cấp, các trường để tạo nguồn cán

bộ lãnh đạo, quản lý phong phú, có chất lượng; thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ chủ chốt các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở ở địa phương, đảm bảo phù hợp với năng lực, sở trường của từng cán bộ, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

c) Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ quản lý theo chuẩn; thực hiện công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục các cấp căn cứ năng lực quản lý, lãnh đạo và đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; tăng cường hơn nữa kỷ cương, kỷ luật đối với cán bộ quản lý giáo dục.

3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

a) Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bố trí hợp lý cho chi đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường xã hội hóa giáo dục, nâng cao hiệu quả, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo.

b) Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh thu hút các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào giáo dục, trong đó khuyến khích thành lập các trường tư thục chất lượng cao.

c) Các địa phương thực hiện có hiệu quả xây dựng nhà công vụ, nhà bán trú cho giáo viên, học sinh để phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Rà soát, xây dựng văn bản quy định về trường đạt chuẩn quốc gia và chuẩn công nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo hướng tích hợp để các địa phương thuận lợi trong việc triển khai thực hiện. Ban hành bộ chỉ số đánh giá chất lượng giáo dục địa phương.

b) Đẩy mạnh kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo, các chương trình đào tạo, chú trọng kiểm định theo các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế, trên cơ sở đó phân tầng, xếp hạng, quy hoạch lại mạng lưới, giao quyền tự chủ và nâng cao hiệu quả đầu tư; tăng cường công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài, cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

c) Tiếp tục thực hiện công tác khảo thí theo hướng đánh giá năng lực người học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác khảo thí, bảo đảm công bằng, khách quan, chính xác, tin cậy, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho người dạy và người học.

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo

a) Ban hành kế hoạch truyền thông năm học 2017 - 2018; xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông một cách bài bản, chuyên nghiệp.

b) Nội dung thông tin, tuyên truyền tập trung vào các hoạt động đổi mới của ngành, trong đó đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia, đánh giá, phản biện của xã hội đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo.

c) Đa dạng hóa các hình thức thông tin, truyền thông, gương người tốt việc tốt, biểu dương những tấm gương nhà giáo điển hình tiên tiến; chủ động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và các chỉ đạo của ngành, giám sát, kiểm tra và có chế tài thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo cụ thể các nhiệm vụ thành từng chương trình hành động, trong đó xác định rõ công việc, mục tiêu phải đạt được trong từng thời gian và phân công, phân nhiệm rõ ràng. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động năm học, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện.
2. Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành văn bản chỉ đạo về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm học 2017 - 2018 ở địa phương và tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học theo chỉ đạo của Bộ và của tỉnh, thành phố phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Cơ quan quản lý giáo dục các cấp ở địa phương chủ động, sáng tạo, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2017 - 2018.
3. Giám đốc các đại học, học viện, hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp năm học 2017 - 2018.
4. Cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan quản lý giáo dục các cấp; nhà giáo ở các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.